Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
04.08.2023 16:15:43 +07:00

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1610 /QĐ-UBND | *Tây Ninh, ngày 04 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Phê duyệt chế độ trợ cấp hàng tháng

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;*

*Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND, ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định Chính sách hỗ trợ, phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016- 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc kéo dài thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2016-2021;*

*Căn cứ Công văn số 50/UBND-KGVX ngày ngày 06/01/2023 về việc tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách tại Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh và Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh trong năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2486/TTr-SYT ngày 31/7/2023.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho 84 bác sĩ và 11 nhân viên y tế (Đính kèm danh sách).

**Điều 2.** Giao Sở Y tế chịu trách nhiệm thẩm định và lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định và phân bổ kinh phí để thực hiện chi trả cho các đối tượng nêu trên theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các bác sĩ, nhân viên y tế có tên nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như Điều 3;<br>- CT, các PCT.UBND tỉnh;<br>- LĐVP;<br>- KGVX;<br>- Lưu: VT.VP UB tỉnh.<br>10 | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**KT. CHỦ TỊCH**<br>**PHÓ CHỦ TỊCH**<br><br>**Võ Đức Trong** |

**UBND TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG (ĐỐI TƯỢNG BÁC SĨ)**
*(Kèm theo Quyết định số 1610 /QĐ-UBND, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

| Stt | Họ và tên | Đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Công việc đảm nhận | Mức trợ cấp | Thời điểm hưởng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh** | | | | | | | |
| 1 | Diệp Thị Hương Giang | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 2 | Trần Thị Thu Thảo | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 3 | Phan Trọng Thức | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 20/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 4 | Nguyễn Lê Bảo Xuyên | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 06/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 5 | Nguyễn Mạnh Tuấn | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 06/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 6 | Nguyễn Đỗ Hải Ngọc | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 7 | Nguyễn Văn Ghi | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 8 | Dương Mỹ Thuỳ Dương | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/10/2022 - đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 9 | Nguyễn Thị Trúc Nhi | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 03/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 10 | Phạm Hoàng Nam | Bệnh viện đa khoa tỉnh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 11 | Trần Thế Ngọc | Bệnh viện Y dược cổ truyền | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 12 | Nguyễn Duy Cơ | Bệnh viện phục hồi chức năng | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Trần Thị Thảo Như | Bệnh viện phục hồi chức năng | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 31/8/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 14 | Trần Minh Ngọc | Truường Trung cấp y tế | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 15 | Khâm Tứp Chan Đa | Bệnh viện Lao- Bệnh phổi | Bác sĩ | Khám và điều trị | 3,0 | Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 16 | Nguyễn Hoàn Lực | Bệnh viện Lao - Bệnh phổi | Bác sĩ | Khám và điều trị | 3,0 | Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 17 | Nguyễn Thị Bề | Bệnh viện Lao - Bệnh phổi | Bác sĩ | Khám và điều trị | 3,0 | Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 18 | Phan Thị Diễm Thúy | Bệnh viện Lao - Bệnh phổi | Bác sĩ | Khám và điều trị | 3,0 | Từ ngày 22/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 19 | Đoàn Văn Dồn | Trung tâm Pháp Y | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,0 | Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 20 | Dương Thị Tú Quỳnh | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 21 | Dương Thị Cầm | Trạm Y tế Phường An Hòa- TTYT Thị xã Trảng Bàng | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | 'Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 22 | Nguyễn Minh Tân | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | 'Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 23 | Phan Trần Khanh | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | 'Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 24 | Đàm Pha | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | 'Từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 25 | Nguyễn Thị Phước Nhàn | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 26 | Lê Huỳnh Phượng Uyển | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ RHM | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 27 | Đặng Văn Kha | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ YHCT | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 28 | Lê Thị Đông Phương | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | Vũ Thị Phương | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 30 | Mai Thị Kim Phượng | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 31 | Bùi Thị Minh Vân | Trung tâm Y tế thị xã Trảng Bàng. | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 32 | Nguyễn Thanh Trúc | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 33 | Lê Thị Hà Phương | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 34 | Trần Võ Song Thi | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 35 | Nguyễn Văn Trình | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 36 | Nguyễn Ngọc Phương Mai | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 37 | Lê Minh Kỉnh | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 38 | Nguyễn Thị Kiều Mi | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 39 | Huỳnh Thị Ánh Tuyết | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 40 | Đỗ Thị Lức | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | Bác sĩ nghỉ hưu hợp đồng |
| 41 | Lý Trọng Quí | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ 01/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 42 | Nguyễn Thanh Hồng | Trạm Y tế xã Bàu Đồn-TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 18/12/2022 | Bác sĩ nghỉ hưu hợp đồng |
| 43 | Lê Thị Thanh Thảo | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 18/12/2022 | Bác sĩ nghỉ hưu hợp đồng |
| 44 | Nguyễn Kim Thanh | TTYT huyện Gò Dầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022 | Bác sĩ nghỉ hưu hợp đồng |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 45 | Nguyễn Thành Nam | TTYT huyện Tân Biên | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 46 | Đỗ Nguyễn Hoài Nhân | TTYT huyện Tân Biên | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 22/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 47 | Châu Học Toàn | TTYT huyện Tân Biên | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 48 | Nguyễn Thị Thùy Dương | Trạm Y tế xã Thanh Điền - TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 49 | Trương Thị Kiều | Trạm Y tế xã Biên Giới - TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 3,0 | Từ ngày 01/8/2021 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 50 | Nguyễn Thị Thu Ba | TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 51 | Lưu Thị Bích Tiên | TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 52 | Phạm Thị Mỹ Diện | TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 53 | Nguyễn Thị Mùa | TTYT huyện Châu Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 54 | Đặng Thị Mỹ Hương | TTYT huyện Tân Châu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 55 | Bế Thị Trang | TTYT huyện Tân Châu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 56 | Bùi Thị Sol | TTYT huyện Tân Châu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 57 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 58 | Nguyễn Văn Dũng | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 59 | Nguyễn Quốc Huy | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 60 | Võ Thị Chúc | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 61 | Lê Thị Mỹ Hạnh | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 62 | Phan Lê Hoàng Nguyên | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 63 | Trần Thị Lệ Thanh | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 64 | Nguyễn Thảo Ngân | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 65 | Nguyễn Thị Ngọc Quý | TTYT Thị xã Hòa Thành | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/8/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS liên thông mới tốt nghiệp |
| 66 | Nguyễn Văn Bề | TTYT huyện Bến Cầu | Bác sĩ CKI | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 67 | Phan Thu Vân | TTYT huyện Bến Cầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 68 | Đỗ Tuấn Anh | TTYT huyện Bến Cầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2.5 | Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 69 | Hồ Phượng Vũ | TTYT huyện Bến Cầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/12/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 70 | Nguyễn Thị Riêng | TTYT huyện Bến Cầu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 71 | Phạm Thành Linh | TTYT huyện Dương Minh Châu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 05/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 72 | Mai Thị Trang | Trạm Y tế xã Phan thuộc TTYT huyện Dương Minh Châu | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 05/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 73 | Nguyễn Hoàng Phương Uyên | Trạm Y tế Phường Hiệp Ninh thuộc TTYT Thành phố Tây Ninh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 74 | Nguyễn Hoàng Tùng | TTYT Thành phố Tây Ninh | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 10/9/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 75 | Đặng Quế Trâm | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 76 | Trần Phương Duy | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ dự phòng | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 4/5/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 77 | Phạm Thành Long | Trạm Y tế Phường 3- TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 78 | Trần Minh Thư | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 10/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 79 | Trần Phú Thịnh | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/6/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 80 | Nguyễn Thị Sum | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/06/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS nghỉ hưu hợp đồng |
| 81 | Phạm Thái Bình | Trạm Y tế xã Tân Bình- TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,5 | Từ ngày 01/7/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 82 | Trần Thị Mộng Trinh | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 01/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay đổi vị trí công tác |
| 83 | Lê Nguyễn Thanh Trúc | Trạm Y tế Phường Ninh Sơn- TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 07/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |
| 84 | Đoàn Thị Mỹ Tiên | TTYT Thành phố TN | Bác sĩ | Khám và điều trị | 2,3 | Từ ngày 07/10/2022 đến ngày 18/12/2022 | BS mới tiếp nhận chờ tuyển dụng |

Tổng cộng: **84 trường hợp**

UBND TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG (ĐỐI TƯỢNG NHÂN VIÊN Y TẾ ẤP, KHU PHỐ)**

*(Kèm theo Quyết định số: 1610 /QĐ-UBND, ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

| STT | Họ và tên | Năm sinh | | Nơi làm việc | Công việc đảm nhận | Mức hưởng | Thời gian hưởng phụ cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| **I. Trung tâm Y tế huyện Châu Thành** | | | | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hoa | | 1966 | Trạm Y tế xã Thái Bình | Nhân viên y tế ấp Bình Long | 0,3 | Từ ngày 31/5/2022 | Thay thế bà Lê Thị Mến (hưởng theo Quyết định 75/2009/QĐ-TTg) |
| 2 | Lê Thị Thủy Tiên | | 1965 | Trạm Y tế xã Đồng Khởi | Nhân viên y tế ấp Cầy Xiêng | 0,3 | Từ ngày 01/9/2022 | Thay thế bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| **II. Trung tâm y tế Thị xã Hòa Thành** | | | | | | | | |
| 3 | Trịnh Thị Kim Chung | | 1966 | Trạm Y tế xã Long Thành Nam | Nhân viên y tế ấp Bến Kéo | 0.3 | Từ ngày 01/7/2022 | Thay thế ông Trần Văn Quyền (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| 4 | Lê Thị Ngọc Diệp | | 1966 | Trạm Y tế xã Long Thành Nam | Nhân viên y tế ấp Giang Tân | 0,3 | Từ ngày 01/7/2022 | Thay thế bà Lê Thị Ngọc Huệ (theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| 5 | Kiều Tiểu Bình Bình | | 1998 | Trạm Y tế xã Trường Tây | Nhân viên y tế Trường An | 0.3 | Từ ngày 01/6/2021 đến ngày 31/10/2021 | Thay thế bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| **III. Trung tâm y tế huyện Tân Biên** | | | | | | | | |
| 6 | Nguyễn Vĩnh Đồng | 1962 | | Trạm Y tế Thị Trấn Tân Biên | Nhân viên y tế khu phố 1 | 0,25 | Từ ngày 01/7/2022 đến 18/12/2022 | Thay thế bà Đỗ Thị Mận (hưởng theo QĐ 70/2016/QĐ-UBND) |
| 7 | Nguyễn Thị Lệ | | 1962 | Trạm y tế xã Thạnh Tây | Nhân viên y tế ấp Thạnh Sơn | 0,3 | Từ ngày 01/10/2022 | Thay thế ông Đàm Quốc Hiền (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| **IV. Trung tâm y tế huyện Bến Cầu** | | | | | | | | |
| 8 | Trần Thị Thảo Nguyên | | 1996 | Trạm Y tế xã Tiên Thuận | Nhân viên y tế ấp Xóm Lò | 0,5 | Từ ngày 01/10/2022 | Thay thế bà Lương Thị Phí (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| **V. Trung tâm y tế huyện Tân Châu** | | | | | | | | |
| 9 | Nguyễn Thị Kim Yên | | 1982 | Trạm Y tế Thị Trấn Tân Châu | Nhân viên y tế khu phố 3 | 0,25 | Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 18/12/2022 | Thay thế bà Vũ Thị Thủy (hưởng theo QĐ 70/2016/QĐ-UBND) |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | | Nơi làm việc | Công việc đảm nhận | Mức hưởng | Thời gian hưởng phụ cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | | |
| **VI. Trung tâm y tế huyện Gò Dầu** | | | | | | | | |
| 10 | Phan Thị Hưởng | | 1975 | Trạm Y tế xã Phước Trạch | Nhân viên y tế ấp Bàu Vừng | 0.3 | Từ ngày 01/9/2022 | (Hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |
| 11 | Đàm Thị Cẩm Thi | | 1984 | Trạm Y tế xã Phước Thạnh | Nhân viên y tế ấp Phước Bình B | 0,3 | Từ ngày 01/4/2022 | Thay thế bà Nguyễn Thị Hồng Thảo (hưởng theo QĐ 75/2009/QĐ-TTg) |

**Tổng cộng: 11 trường hợp**